

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-PT

Ngày 07-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo N.M.T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2021/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: **N.M.T** (T.G), sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xxx, ấp xx, xã N, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.P và bà N.T.S; vợ: N.T.N.M, sinh năm 1995 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số xxx/QĐ-XPHC ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, nộp phạt ngày 06/01/2021; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo N.M.T là đối tượng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng từ ngày 06/3/2021 đến ngày 13/3/2021, trên địa bàn thành phố

Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo N.M.T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: vào khoảng 21 giờ ngày 06/3/2021, bị cáo N.M.T điều khiển xe mô tô loại Wave, không rõ biển số chạy ngang nhà của chị Đ.T.H.V (ở Số xxx, ấp B, xã B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) thì phát hiện xe kéo tự chế để trước nhà và không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo tháo sợi dây buộc bánh xe kéo, dùng tay phải điều khiển xe mô tô, tay trái nắm tay cầm của xe kéo, kéo về nhà của T.T.L (ở Số xxxx, Khu phố x, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) để cất giấu. Sau đó, hành vi của bị cáo bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ: 01 xe kéo tự chế gồm: bộ khung xe được làm bằng sắt chiều dài 3m, chiều rộng 1,2m, bộ cốt xe và hai bánh xe.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 đoạn camera ghi nhận hình ảnh N.M.T thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe kéo (được lưu trong đĩa CD).

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số 315/KL-HĐĐG ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 xe kéo tự chế gồm: bộ khung xe được làm bằng sắt chiều dài 3m, chiều rộng 1,2m, bộ cốt xe và hai bánh xe; trị giá tài sản ngày 07/3/2021 là: 2.300.000 đồng.

- Vụ thứ 02: ngày 11/3/2021, sau khi cùng với đối tượng tên K nhỏ trộm của chị L.M.H (cư trú ở khu phố M, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) 01 cây hoa giấy màu đỏ, cao 1,5m, tán rộng 0,95m, hoành góc 0,34m, T.T.L muốn tiếp tục lấy trộm hoa giấy của chị H đem về nhà trồng nên rủ bị cáo N.M.T cùng thực hiện thì bị cáo N.M.T đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 13/03/2021, bị cáo N.M.T điều khiển xe mô tô biển số 71B1-xxx.xx chở T.T.L đến nhà của chị H. Khi đến nơi, bị cáo N.M.T ngồi trên xe, T.T.L xuống xe nhỏ lấy 01 cây hoa giấy màu cẩm thạch cao 01m, tán rộng 01m của chị H. Sau khi nhỏ được, T.T.L ngồi sau xe cầm cây hoa giấy cho bị cáo N.M.T điều khiển xe chở về nhà của T.T.L trồng. Sau đó hành vi của T.T.L và bị cáo N.M.T bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 cây hoa giấy màu cẩm thạch cao 01m, tán rộng 01m.
- 01 cây hoa giấy màu đỏ, cao 1,5m, tán rộng 0,95m, hoành góc 0,34m.
- 01 xe mô tô biển số 71B1 - xxx.xx, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đỏ - đen, xe đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước, số máy: JCXXEXXXXXXX, số khung: RLHJCxxxxBYxxxxxx.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 đoạn camera ghi nhận hình ảnh N.M.T và T.T.L thực hiện hành vi lấy trộm hoa giấy (được lưu trong đĩa CD).

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số 320/KL-HĐĐG ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 cây hoa giấy màu cẩm

thạch cao 01m, tán rộng 01m, trị giá ngày 13/03/2021 là 1.500.000 đồng.

* Theo Bản kết luận định giá trị tài sản số 572/KL-HĐĐG ngày 24/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 cây hoa giấy màu đỏ, cao 1,5m, tán rộng 0,95m, hoành gốc 0,34m, trị giá ngày 12/3/2021 là 1.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Đ.T.H.V 01 xe kéo và trả cho chị L.M.H 02 cây hoa giấy. Các bị hại không yêu cầu gì thêm.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2021/HS-ST ngày 22-9-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo N.M.T phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo N.M.T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 07/10/2021, bị cáo N.M.T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.M.T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N.M.T 01 năm tù là tương xứng; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.M.T 01 (một) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: bị cáo N.M.T mặc dù trước đó đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Nhưng vào khoảng 21 giờ ngày 06/03/2021, tại nhà Số xxx, ấp B, xã B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo N.M.T đã có hành vi một mình lén lút chiếm đoạt của chị Đ.T.H.V 01 xe kéo tự chế bằng sắt trị giá: 2.300.000 đồng; và vào khoảng 02 giờ ngày 13/03/2021, tại nhà Số xxxx, đường Số x, khu phố M, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo N.M.T cùng T.T.L đã có hành vi chiếm đoạt của chị L.M.H 01 cây hoa giấy màu cẩm thạch trị giá: 1.500.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “trộm cắp tài sản” chưa được xóa tiền sự nhưng vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Đ.T.H.V trị giá 2.300.000 đồng và chiếm đoạt tài sản của bị hại L.M.H trị giá 1.500.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nhân thân và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.M.T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo N.M.T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa tiền sự lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản; bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có ông nội là liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 01 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên; qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân bị cáo thì trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa tiền sự lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt, không chỉ thể hiện sự xem thường pháp luật mà còn xem thường tài sản của người khác, là người khó cải tạo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, không có cơ sở để được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.M.T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 59/2021/HS-ST ngày 22-9-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo N.M.T 01 (một) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo N.M.T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã S, thành phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Văn Thông